

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/DS-PT
Ngày: 23-10-2018
V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LD; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLDS-PT ngày 07 tháng 9 năm 2018 về “Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2018/QĐ-PT ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh Ngh, sinh năm 1962

Bà Lương Thị D, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn NS, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Ch, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn BT 2, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu L1 – Giám đốc chi nhánh DL (văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Phạm Cao L – Giám đốc PGD PCT (văn bản ủy quyền số 375/NHNNĐL-KHKD ngày 04/7/2018).

2. Ông Trần B, sinh năm 1937

3. Ông Trần Mai B1, sinh năm 1971

4. Ông Trần Mai H, sinh năm 1972

Cùng trú tại: Thôn BT1, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

Đại diện theo ủy quyền của ông B, ông B1, ông H: Bà Phạm Thị Thu H3

Trú tại: Thôn BT1, xã PS, huyện LH, tỉnh LD (*văn bản ủy quyền ngày 21/6/2018*).

5. Ông Hà Th, bà Nguyễn Thị E

Trú tại: Thôn BT1, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

6. Ông Nguyễn Như C, bà Hà Thị Thu Ng

Trú tại: Thôn BT1, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

7. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn NS, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

8. Ông Phùng Văn M, sinh năm 1954

Trú tại: Thôn NS, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

9. Ông Trần Mậu H2, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn BT1, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

10. Ông Trương Văn Th1, sinh năm 1967

Trú tại: Thôn NS, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

11. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1965

Trú tại: Thôn Ngọc Sơn 3, xã PS, huyện LH, tỉnh LD.

- *Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Tấn Ch.*

(Ông Ngh, bà D, ông Ch, bà H3 có mặt tại phiên tòa;

đại diện Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt;

các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn ông Ngh, bà D trình bày:*

Vào năm 2009 và năm 2010 nguyên đơn và ông Ch có đứng ra đại diện cho một số hộ dân trên địa bàn xã PS để ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh ĐL. Sau khi bàn bạc thống nhất thì nguyên đơn đã thế chấp tài sản của mình để vay ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ. Sau đó nguyên đơn giao cho ông Ch số tiền 500.000.000đ để ông Ch giao cho các hộ dân trong xã vay theo danh sách đã đăng ký với ông Ch. Kể từ khi nhận tiền về sử dụng, đến hạn ông Ch không có trách nhiệm thu hồi số tiền nói trên để giao lại cho nguyên đơn để trả nợ cho ngân hàng. Sau nhiều lần đôn đốc thì ông Ch mới trả được cho nguyên đơn số tiền gốc là 292.119.468đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Ch phải trả số tiền gốc 207.880.532đ và tiền lãi 225.023.900đ từ ngày 29/3/2012 đến ngày 30/7/2017, cộng chung là 433.084.432đ.

Ngày 08/6/2018 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Ch phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2017 đến ngày 30/5/2018 là 41.576.000đ.

** Bị đơn ông Ch trình bày:*

Đầu năm 2009 Hội Cựu chiến binh xã PS được triển khai thực hiện mô hình điểm phát triển kinh tế bền vững của huyện LH. Trên cơ sở đó, Hội được ký kết với bốn nhà (ngân hàng, nông nghiệp, nhà khoa học, doanh nghiệp) mở một lớp dạy nghề sơ cấp chăm sóc cà phê và cho học viên vay mua phân bón, lớp học có 80 học viên. Đến tháng 5/2009, phòng giao dịch PCT chi nhánh Agribank Tp. ĐL cho vay mua phân chăm sóc cà phê, chia ra các tổ vay, trong đó có tổ do ông Trần Thanh Ngh phụ trách. Tổ vay do ông Ngh phụ trách đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngh và bà Nguyễn Thị L2 để vay ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ. Ngày giải ngân tại ngân hàng, phần ông Ngh vay là 500.000.000đ, còn lại 500.000.000đ ông Ngh chuyển vào tài khoản của công ty TMDV SN số tiền 320.000.000đ và công ty TNHH TV số tiền 130.000.000đ, ông Ch nhận được 50.000.000đ tiền mặt về giải ngân và phân cho các hộ trong tổ vay của ông Ngh.

Quá trình sử dụng vốn vay, ông thường xuyên đôn đốc các hộ đóng lãi và gốc đúng hạn cho ngân hàng. Đến ngày 16/8/2011 ông cùng bà Nguyễn Thị L2 đến ngân hàng trả dứt điểm số tiền vay 500.000.000đ mà ông đại diện cho 08 hộ vay trong tổ của ông Ngh nên ông hết trách nhiệm và đã bàn giao lại đầy đủ cho ông Ngh. Tuy nhiên, sau đó ông Ngh có vay lại ngân hàng số tiền 900.000.000đ nhưng không trả lãi và gốc đúng hạn nên Ngân hàng có nhờ ông đôn đốc để thu hồi nợ chứ ông không có liên quan. Đến ngày 19/6/2013 các bên đã tính đối chiếu cuối cùng và đã bàn giao xong, ông không còn trách nhiệm gì liên quan. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc 207.880.532đ và lãi suất từ 29/3/2012 đến nay thì ông không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh Nh – Giám đốc PGD PCT chi nhánh Agribank ĐL trình bày: hồ sơ vay vốn của ông Trần Thanh Ngh vay ngày 12/5/2009, số tiền vay 1.000.000.000đ đã tắt toán ngày 26/4/2010. Sau đó ngày 27/4/2010 ông Ngh vay lại 1.000.000.000đ và tắt toán vào ngày 14/8/2011. Do hai lần vay hồ sơ tắt toán đã lâu, việc vay trả diễn ra bình thường, mọi giao dịch với Ngân hàng đều do ông Trần Thanh Ngh đứng ra làm việc với ngân hàng, đồng thời hai năm giao dịch đó không có thắc mắc, khiếu nại gì. Việc chuyển tiền cho công ty SN và công ty TV là do ông Ngh chuyển tiền mua phân bón của hai công ty, việc ông Ch nhận tiền mặt từ ông Ngh thế nào thì Ngân hàng không biết.

Ngày 16/8/2011 ông Ngh bà D vay lại số tiền 900.000.000đ. Do việc trả lãi không đúng hạn nên ngân hàng xuống trực tiếp địa phương để kết hợp thu nợ, sau đó ông Ch có thu nợ của các hộ dân và nộp gốc lãi cho ngân hàng vào các ngày 02, 07, 14, 23 và 28/3/2012. Đến thời điểm này thì ngân hàng mới biết ông Ch và ông Ngh cho các hộ dân vay lại tiền, việc bàn giao danh sách các hộ vay vốn giữa ông Ngh và ông Ch cụ thể thế nào thì ngân hàng không liên quan nên không biết cụ thể. Ngân hàng thu lãi trên tổng số nợ gốc vay của hợp đồng tín dụng tính đến ngày khách hàng nộp tiền, sau khi trừ hết nợ lãi thì ngân hàng mới thu nợ gốc nên mới có sự chênh lệch về số tiền gốc và lãi do ông Ch nộp. Việc

tính lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 16/4/2018 ông Ngh còn nợ ngân hàng nợ gốc là 202.580.532đ và lãi. Số nợ này ngân hàng sẽ làm việc với hộ ông Ngh và sẽ có yêu cầu cụ thể sau.

- Ông Hà Th, bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Như C, bà Hà Thị Thu Ng, ông Trần Mậu H2, ông Trương Văn Th1, ông Phùng Văn M, bà Nguyễn Thị L2 trình bày: vào năm 2009 các ông bà có tham gia lớp học sơ cấp nông nghiệp và được hỗ trợ vay vốn từ ngân hàng do ông Nguyễn Tấn Ch làm tổ trưởng tổ vay vốn. Cụ thể:

+ Ông Th, bà E vay 65.000.000đ. Đến nay tiền gốc và lãi là 135.000.000đ. Ông bà trả cho ông Ch nhưng ông Ch không nhận mà yêu cầu ông bà trả cho ông Ngh. Ông bà đã bán đất cho ông Ngh để cản trừ hết nợ, không còn liên quan gì.

+ Ông C, bà Ng vay 25.000.000đ. Ông bà đã trả nợ gốc và lãi là 45.000.000đ cho ông Ngh, bà D, không còn nợ bất kỳ khoản nào.

+ Ông H2 vay 50.000.000đ. Đến tháng 12/2011 âm lịch ông đã trả toàn bộ gốc và lãi cho ông Ch và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

+ Ông Th1 vay 40.000.000đ. Đến năm 2013 ông đã trả đủ tiền gốc và lãi cho ông Ch và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

+ Ông M vay 50.000.000đ. Ông đã trả đủ gốc và lãi, không còn nợ gì ông Ch. Ông Ch có giấy xác nhận ông đã trả xong nợ.

+ Bà L2 vay 90.000.000đ. Đến ngày 02/3/2011 có nhận thêm phân là 20.000.000đ, tổng cộng 110.000.000đ. Bà L2 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ch để thế chấp. Đến ngày 16/8/2011 ông Ch đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho ông Ngh để thế chấp, các khoản lãi bà đã đóng đầy đủ cho ông Ngh và ông Ch. Đến ngày 28/3/2012, ngân hàng có gửi giấy cho bà lên thanh toán, bà cùng ông Ch lên ngân hàng và đã trả hết số nợ gốc và lãi còn lại phần của bà vay đồng thời rút lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông bà không còn liên quan gì đến việc ông Ngh kiện ông Ch.

- Ông Trần B, ông Trần Mai B1 và ông Trần Mai H do bà Phạm Thị Thu H3 đại diện theo ủy quyền trình bày: trước đây ông Trần B có vay của ông Ch số tiền mặt là 45.000.000đ và tiền phân 45.000.000đ, tổng cộng là 90.000.000đ, gia đình ông đã trả tiền lãi của năm đầu tiên. Do chưa có tiền đóng lãi nên ông có nói với ông Ch cho mượn thêm 100.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên ông vẫn chưa trả cho ông Ch. Do tuổi cao sức yếu nên ông B đã ủy quyền lại cho vợ chồng bà H3 nhận trả nợ. Bà H3 đề nghị được trả dần số tiền trên do điều kiện hiện đang khó khăn.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị bị đơn phải trả số nợ gốc là 117.880.532đ và lãi là 151.280.400đ. Bị đơn không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tấn Ch phải trả cho ông Trần Thanh Ngh, bà Lương Thị D số tiền 60.125.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/8/2018, bị đơn ông Ch kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Ngh, bà D không đồng ý với kháng cáo của ông Ch, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LD nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ch, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, bà D, buộc ông Ch trả cho ông Ngh, bà D số tiền 16.125.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 207.880.532đ và lãi 266.599.900đ, tổng cộng 474.480.432đ theo giấy nhận tiền ghi ngày 27/4/2010. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 117.880.532đ và lãi là 151.280.400đ. Phía bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Kiện đòi tài sản” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

Sau khi vay số tiền 1.000.000.000đ vào năm 2009 giữa ông Ngh và ông Ch đã cùng thống nhất vay tiền để trả ngân hàng và làm thủ tục đáo hạn, các khoản tiền lãi của năm 2009 thì các hộ đã thanh toán đầy đủ và không có vướng mắc gì. Đến năm 2010, khi làm thủ tục đáo hạn vay lại số tiền 1.000.000.000đ thì ông Ch có ký giấy ngày 27/4/2010 nhận số tiền 500.000.000đ của ông Ngh, hai bên đương sự đều thừa nhận lần ký nhận này là trên giấy tờ để hợp thức hóa cho khoản vay năm 2009. Ngày 16/8/2011 và ngày 19/6/2013 ông Ch đã bàn giao danh sách tổ vay vốn và sổ đỏ của hộ bà L2, ông H1, ông B, ông C, ông Hà Th cho ông Ngh (BL107). Tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng ông Ngh thừa nhận đã nhận sổ đỏ của các hộ trên và danh sách vay vốn trước rồi mới làm thủ tục vay lại số tiền 900.000.000đ vào ngày 16/8/2011.

Qua xem xét toàn bộ chứng cứ thì thấy rằng, các khoản ông Ch trực tiếp thu từ hộ ông H1, bà L2 và ông Th1 thì ông Ch đã trả đầy đủ cho ngân hàng được thể hiện bằng chứng từ giao dịch ngày 07, 14, 23 và 28/3/2012.

Đối với số tiền gốc 100.000.000đ ông M và ông H2 đã trả cho ông Ch vào ngày 27/7/2011 và tháng 12/2011 (âm lịch) thì sau khi nhận số tiền này, ông Ch đã không đem trả cho ngân hàng mà đem cho các hộ vay thêm, cụ thể là hộ bà L2 vay thêm 20.000.000đ, hộ ông B vay 10.000.000đ, hộ ông Th vay thêm 24.000.000đ và hộ ông C vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng 64.000.000đ. Ông Ngh, bà D cũng là người trực tiếp thu nợ của ông C số tiền 45.000.000đ vào ngày 29/6/2015 (trong đó có 25.000.000đ vay ban đầu, 10.000.000đ vay thêm, 10.000.000đ tiền lãi), của ông Hà Th số tiền 135.000.000đ vào tháng 10/2017 (trong đó có 65.000.000đ vay ban đầu, 24.000.000đ vay thêm, 46.000.000đ tiền lãi). Hộ bà L2 cũng đã thanh toán tại Ngân hàng hết số nợ là 129.664.000đ (gồm 90.000.000đ vay ban đầu, 20.000.000đ vay thêm và 19.664.000đ tiền lãi). Hiện nay chỉ còn hộ ông Trần B là còn nợ ông Ngh, bà D. Các hộ trên đã có giấy xác nhận có nhận số tiền vay thêm này của ông Ch (BL111-113), tại giai đoạn phúc thẩm ông Ch đã nộp giấy xác nhận có chứng thực. Điều đó đã chứng minh số tiền 100.000.000đ ông Ch không sử dụng cho mình. Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc ông Ch phải trả số tiền 44.000.000đ tiền gốc cho ông Ngh, bà D là không có căn cứ.

Số tiền 36.000.000đ ông Ch cho rằng đã trả vào khoản tiền lãi cho ngân hàng thì thấy rằng, theo bản lịch sử giao dịch tiền vay thì ngày 02/3/2012 ông Ch có nộp số tiền lãi là 19.875.000đ. Như vậy, số tiền còn lại 16.125.000đ ông Ch cho rằng đã đóng lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, cần buộc ông Ch phải trả lại cho ông Ngh, bà D số tiền 16.125.000đ là phù hợp.

Từ những phân tích cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ch, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là $253.035.932đ \times 5\% = 12.651.797đ$.

Buộc bị đơn phải án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $16.125.000đ \times 5\% = 806.250đ$.

Do sửa án nên ông Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tân Ch. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tấn Ch phải trả cho ông Trần Thanh Ngh, bà Lương Thị D số tiền 16.125.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Trần Thanh Ngh, bà Lương Thị D phải chịu 12.651.797đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.661.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003277 ngày 29/11/2017 và số tiền 1.039.000đ theo biên lai thu số 0000581 ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH. Ông Ngh, bà D còn phải nộp 951.797đ án phí.

Buộc ông Nguyễn Tấn Ch phải chịu số tiền 806.250đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000697 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH. Ông Ch còn phải nộp 506.250đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện LH;
- Chi cục THADS huyện LH;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt